

Số: 114/2024/QĐST-DS

Lấp Vò, ngày 01 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 473/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số A, Trần Quang K, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thiện S, chức vụ: Giám đốc Phòng G – Chi nhánh S2 thuộc Ngân hàng TMCP Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1951; địa chỉ: Số C, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1955; địa chỉ: Số C, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1979;

3. Chị Trần Thị Kim S1, sinh năm 1980;

4. Anh Nguyễn Phước T3, sinh năm 1982;
5. Chị Hồ Ngọc Thúy V, sinh năm 1992;
6. Em Nguyễn Thanh M1, sinh năm 2005;
7. Cháu Nguyễn Trần Ánh V1, sinh năm 2016;

Đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Trần Ánh V1 là anh Nguyễn Anh T4 là cha và chị Trần Thị Kim S1 là mẹ ruột.

8. Cháu Nguyễn Hồ Quang L, sinh năm 2020;

Đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hồ Quang L là anh Trần Phước T5 là cha và chị Hồ Ngọc Thúy V là mẹ ruột.

Cùng địa chỉ: Số C, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp của bà M, anh T4, chị S1, anh T5, chị V, em M1: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Trung T1, bà Trần Thị M đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP Đ tiền vay còn nợ vốn 14.599.965.123 đồng (Mười bốn tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi ba đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 02/7/2024 là 547.163.492 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng), tổng cộng là 15.147.128.615 đồng (Mười lăm tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm mười lăm đồng).

2.2. Số tiền trên sẽ được tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tín dụng hạn mức số 01/2023/9317555/HĐTD và Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.01/2023/9317555/HĐTD ngày 21/11/2023, Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.02/2023/9317555/HĐTD ngày 23/11/2023, Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.03/2023/9317555/HĐTD ngày 23/02/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S2 - Phòng G với ông Nguyễn Trung T1 cho đến khi thanh toán xong.

2.3. Công nhận Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/9317555/HĐBĐ ngày 03/9/2020 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Trung T1, bà Trần Thị M là hợp pháp. (Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/9317555/HĐBĐ03/09/2020 đối với: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy ngày 24/03/2008, do ông Nguyễn Trung T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 451; tờ bản đồ số 04, diện tích 2.022m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy ngày 21/11/2011, do ông Nguyễn Trung T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 455, tờ bản đồ số 04, diện tích 290m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy ngày 27/03/2008, do ông Nguyễn Trung T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, thuộc thửa đất số 369, tờ bản đồ số 04, diện tích 404m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 204 m², đất trồng cây lâu năm 200m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy ngày 27/3/2008, do ông Nguyễn Trung T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 370, tờ bản đồ số 04, diện tích 188m², mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 876339 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 21/11/2011 cho ông Nguyễn Trung T6 tích xây dựng 215,95m², diện tích sàn 588,14m². Kết cấu: Nền gạch ceramic, khung BTCT, mái BTCT, mái ngói. Nhà cấp IV, số tầng 1 trệt + 2 lầu. Năm hoàn thành xây dựng 2008. Các thửa đất nêu trên và nhà cùng tọa lạc tại: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp).

Trường hợp ông Nguyễn Trung T1, bà Trần Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho số tiền vay để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Trung T1, bà Trần Thị M phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng TMCP Đ phải trả lại cho bên thế chấp.

2.4. Về chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S2 - Phòng G tự nguyện nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đã nộp và chi xong.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trung T1, bà Trần Thị M tự nguyện nộp số tiền 61.573.564 đồng (Sáu mươi một triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi bốn đồng), nhưng do ông Nguyễn Trung T1, bà Trần Thị M là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 61.300.000 đồng (Sáu mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số: 0007719, ngày 12/8/2024 của Chi cục thi hành án dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Lấp Vò;
- Lưu hồ sơ vụ án. (T)

THẨM PHÁN

Trần Hữu Phước